

Light

SUNNY OB

Giày sneaker th ể **thaotrang cho n àng**

Giày th ể thao SUNNY **t ng** v **h** **c** **á** **h** **ang** **l** **à** **m** **c** **ác** **d** **ng** **đ** **è** v ề t ư th ế **trong** **m** **i** **t** **h** **ắc** **n** **g** **hiệ** t

Những vật liệu **cao** cấp hơn	**hành** động **da**
ót bên trong	i **tái** chế lưới
trong Đ	ệm **chân** SJ **l** àm từ **mút tái** chế (96% vật liệu **tái** chế)
ngoài Đ	TPR
i Loạ	OB / E
Phạm **vi kích** thước	EU 35-42 / UK 3.0-8.0 / US 5.5-10.5 JPN 21.5-26.5 / KOR 230-270
ng lượng t **thép**	0.347 kg
ản hồi **tiêu** chu	EN ISO 20347:2022(Europe)

CE · OXYGRIP · NESKRID

7.15 kg



LBL



FUX



LGR



LIC



Lớp **lót Coolmax**
Công nghệ Coolmax **t** vận động **viên.** Chất liệu vận chuyển độ ẩm **và** **ch** **hô** **i** **khô** **ráo.**
Chúng tôi thấy **nó** cực **kỳ phù** hợp
i làm việc **chăm** **hàng** **ngày.**

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp **n:**
phục vụ ăn uố ạnh g, làm sốcupốẩm m &g thuộ c v ề y h ọ c

ường: **Môi** t
rư ờn môiịkhô

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t ủa giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phẳ cáchù hằ nhiệ g Không trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ơn vị u	**đo** l Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **hành** độ n g **da** **cao** cấp h ơn				
	Top: khả năng ưu ấm ớ h ơ	? 0.8	1.1	ờ mg/cm/g
	Top: h nụ ố ớ h ơ	? 15	16.8	mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế ớ			
	L ớp lót: ưu ấm ớ h ơ	? 2	51.4	ờ mg/cm/g
	lót: h nụ ố ớ h ơ	? 20	412.1	mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)				
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ướ t) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800	chu kỳ
goài Đ	**TPR**			
	Ch ố ả ưở g ế ngoài (mài mòn)	? 150	135	mm
	Chư ố ợ c gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ợ t v ề phía t	? 0.31	0.33	ma sát
	rư Cợ t cố ả g - G ố m + NaLS - Trư ợ t lùi v ề phía t	? 0.36	0.38	ma sát
	rư Cợ t SR - G ố m + Glycerin - Trư ợ t gót phía t	? 0.19	N/A	ma sát
	Chư ố ợ t SR - G ố m + Glycerin - Trư ợ t v ề phía t	? 0.22	N/A	ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	N/A	megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100	N/A	megaohm
	Hấp thụ năng l ợ g gót chân củ	? 20	23.0	J

kích thước thép: 38

a chúng tôi không có ệ thay thế và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có bằng văn bản ủ

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ơn vị u	**đo** l Đ ờn g q
i **CO phát** thả			
	V ật l iệu	4.89	kg
	Bao bì	0.10	kg
	ất Sản x u	1.90	kg
	Chuyên ch ở	0.26	kg
		7.15 kg CO2/ cặp	

	Sự **miêu** t ả	ế t u ả	K q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế			
	Product	12%	
	Bao bì	99%	

Tính toán CO2:
ị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính